

*Tp. Hồ chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2026*

**BÁO CÁO TUẦN 17**  
(từ ngày 18/4/2026 đến 24/4/2026)

**I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026**

Diện tích phục vụ vụ Đông Xuân 2025-2026 là: **21.005,6 ha**, cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 9.719,4 ha**
  - Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 7.843,3 ha;
  - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 542,2 ha ;
  - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS : 104,3 ha ;
  - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 55,1 ha;
  - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch Láng The đến sông Lu : 527,5 ha ;
  - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 647,0 ha .
- 2. Khu vực HM-BBC (XNHM-BC) : 4.710,3 ha**
  - Hệ thống CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 4.211,5 ha;
  - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8 ha.
- 3. Khu vực Quận 12- HM (XN-NRT) : 4.115,6 ha**
  - TTL bờ hữu VSSG huyện Củ Chi từ TL8 đến rạch Tra (BRT): 809,4 ha;
  - CTTL bờ hữu VSSG từ sông Vàm Thuật đến rạch Tra (NRT): 2.834,4 ha;
  - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 339,2 ha;
  - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 133,1 ha.
- 4. Khu vực Thủ Đức (XNTĐ) : 2.460,3 ha**
  - Công trình tiêu thoát nước Suối Nhum : 541,0 ha;
  - Công trình 05 công ngăn triều : 1.919,3 ha.

**II. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026**

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2026 đến ngày 24/4/2026 là: **6.711,5 ha**, cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 3.021,4 ha**
  - Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 2.628,3 ha;
  - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 82,8 ha;
  - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS : 19,2 ha;
  - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 29,4 ha;
  - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu : 232,1 ha;
  - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 29,6 ha.
- 2. Khu vực XNHM-BC quản lý : 2.221,6 ha.**
  - CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 1.722,8 ha
  - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8 ha.
- 3. Khu vực Nam rạch Tra : 1.468,5 ha.**
  - CTTL Bắc rạch Tra : 549,2 ha;
  - CTTL Nam rạch Tra : 801,3 ha;
  - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 36,9 ha;
  - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 81,1 ha.

### III. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

#### 1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 18/4/2026 đến ngày 24/4/2026: 7.861.413 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
18/4/2026	13,66	13,20	0,7	9,77	843.837	2,99	258.697
19/4/2026	13,64	13,19	0,7	9,66	834.614	2,99	258.697
20/4/2026	13,50	13,20	0,8	9,06	783.130	3,35	289.232
21/4/2026	13,60	13,22	0,7	8,88	766.957	2,99	258.697
22/4/2026	13,56	13,25	0,8	9,21	796.075	2,84	245.731
23/4/2026	13,58	13,26	0,9	10,59	914.932	3,07	265.420
24/4/2026	13,65	13,30	0,9	11,07	956.859	4,50	388.535
<b>Tổng cộng</b>					<b>5.896.404</b>		<b>1.965.009</b>

b. Lượng nước từ ngày 01/12/2025 đến 24/4/2026 là **158,15** triệu m<sup>3</sup> (trong đó K34+644: 122,99 triệu m<sup>3</sup>, K0-N25: 35,16 triệu m<sup>3</sup>).

c. Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2. **Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (18÷27,8) NTU và pH dao động từ (7,08÷7,26).

3. **Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (20,83÷21,10)m.

	Mức nước năm 2026(m)	Mức nước năm 2025 (m)
18/4/2026	21,10	21,28
19/4/2026	21,05	21,25
20/4/2026	21,01	21,21
21/4/2026	20,96	21,16
22/4/2026	20,91	21,12
23/4/2026	20,87	21,09
24/4/2026	20,83	21,05

#### 4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Cổng Gò Dưa : + 1,36 m
- + Cổng Ba Thôn : + 1,31 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,21 m
- + Cổng kênh C : + 1,34 m
- + Cổng An Hạ : + 1,09 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2026) Ngày 21/04/2026		Độ mặn (2025) Ngày 23/4/2025	
		PS	PĐ	PS	PĐ	PS	PĐ
1	Cổng Tân Kiên	6,96	7,00	3,5	1,2	4,3	1,0
2	Cổng kênh C	6,98	6,93	3,2	1,0	3,5	0,7
3	Cổng kênh B	6,75	6,79	2,8	0,9	2,9	0,6
4	Cổng kênh A	6,80	6,72	2,4	0,7	2,4	0,5
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,62		1,9		1,9	
6	CC kênh Ranh	6,57		0,4		0,7	
7	Cổng An Hạ	6,50	6,1	0,3		0,3	
8	Cổng T10	6,45		0,2		0,2	

**IV. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:**

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 cống ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (cống Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.